

THÔNG TƯ

**Quy định việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự,
kinh phí cưỡng chế thi hành án dân sự**

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 4/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự, kinh phí cưỡng chế thi hành án.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định cơ chế quản lý tài chính về kinh phí cưỡng chế thi hành án dân sự và việc lập, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự, gồm:

1. Nội dung chi, mức chi, nguồn kinh phí cưỡng chế thi hành án dân sự (sau đây gọi chung là chi phí cưỡng chế thi hành án); thủ tục tạm ứng, hoàn tạm

ứng chi phí cưỡng chế thi hành án, lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí cưỡng chế thi hành án do cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thực hiện.

2. Việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thi hành án dân sự.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thi hành án dân sự.

Chương II

CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VỀ KINH PHÍ CƯỖNG CHẾ THI HÀNH ÁN

Điều 3. Nộp chi phí cưỡng chế thi hành án

1. Chi phí cưỡng chế thi hành án do người phải thi hành án, người được thi hành án, người thứ ba bị cưỡng chế thi hành án nộp hoặc được khấu trừ vào tiền thu được, tiền bán đấu giá tài sản kê biên, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ, thuê, vay, mượn, sửa chữa, trừ trường hợp chi phí cưỡng chế do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Trường hợp đương sự yêu cầu định giá lại tài sản cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 99 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 phải nộp một phần chi phí định giá trước khi có thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản.

Cơ quan thi hành án dân sự căn cứ chi phí định giá tài sản lần liền kề trước đó và chi phí định giá tài sản thực tế ở địa phương tại thời điểm đương sự yêu cầu định giá lại tài sản để xác định mức nộp chi phí định giá lại tài sản và thông báo cho người yêu cầu định giá lại tài sản nộp tiền chi phí định giá.

Khi kết thúc việc định giá lại tài sản, đương sự sẽ nộp tiếp phần chênh lệch giữa tổng chi phí định giá lại thực tế và chi phí đương sự đã nộp.

Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm theo dõi, ghi chép và phản ánh đầy đủ vào sổ sách kế toán các khoản nộp chi phí định giá của đương sự theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán.

Điều 4. Chi phí cưỡng chế thi hành án do người phải thi hành án chịu

1. Chi phí thông báo về cưỡng chế:
 - a) Chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng (truyền hình, đài phát thanh, báo chí);

b) Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp thực hiện thông báo cưỡng chế thi hành án (cán bộ thi hành án, đại diện chính quyền địa phương, đại diện tổ chức xã hội và các thành phần khác).

2. Chi phí mua nguyên liệu, nhiên liệu; thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng, chống cháy, nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác cho việc cưỡng chế thi hành án.

3. Chi phí cho việc định giá, định giá lại tài sản, giám định tài sản, bán đấu giá tài sản:

a) Chi phí định giá, định giá lại tài sản:

- Chi phí thẩm định giá, thẩm định giá lại tài sản: Giá dịch vụ thẩm định giá, thẩm định giá lại tài sản theo hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá.

- Chi phí liên quan đến việc định giá trong trường hợp Chấp hành viên thực hiện việc xác định giá tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12.

b) Chi bồi dưỡng cho các thành viên hợp xác định giá, xác định giá lại tài sản;

c) Chi giám định tài sản: Chi phí giám định tài sản và một số khoản chi thực tế hợp pháp để thực hiện việc giám định tài sản;

d) Chi phí bán đấu giá tài sản:

- Phí bán đấu giá theo quy định và các chi phí thực tế, hợp lý cho việc bán đấu giá trong trường hợp cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền cho tổ chức bán đấu giá tài sản.

- Tiền thuê địa điểm, phương tiện phục vụ tổ chức bán đấu giá, niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản trong trường hợp cơ quan thi hành án dân sự trực tiếp tổ chức tiến hành bán đấu giá tài sản để thi hành án.

4. Chi phí cho việc thuê, trông coi, bảo quản tài sản; chi phí bốc dỡ, vận chuyển tài sản; chi phí thuê nhân công và khoản chi phục vụ cho việc xây ngăn, phá dỡ; chi thuê đo đạc, xác định mốc giới để thực hiện việc cưỡng chế thi hành án.

5. Chi phí cho việc tạm giữ, thu giữ tài sản, giấy tờ, tài liệu:

a) Chi thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, thuê địa điểm và các khoản chi phí thực tế hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện biện pháp bảo đảm tạm giữ, thu giữ tài sản, giấy tờ, tài liệu;

b) Chi bồi dưỡng cho các đối tượng trực tiếp thực hiện quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm tạm giữ, thu giữ tài sản, giấy tờ, tài liệu.

6. Chi tiền bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế thi hành án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thi hành án dân sự (sau đây gọi tắt là Nghị định số 62/2015/NĐ-CP).

7. Chi phí kê biên, xử lý tài sản quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP tương ứng với tỷ lệ số tiền, tài sản mà họ thực nhận.

8. Các khoản chi phí khác do pháp luật quy định phục vụ cho cưỡng chế.

Điều 5. Chi phí cưỡng chế thi hành án do người được thi hành án chịu

1. Chi phí định giá lại tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư này nếu người được thi hành án yêu cầu định giá lại, trừ trường hợp định giá lại do có vi phạm quy định về định giá.

2. Một phần hoặc toàn bộ chi phí xây ngăn, phá dỡ trong trường hợp bản án, quyết định xác định người được thi hành án phải chịu chi phí xây ngăn, phá dỡ.

3. Chi phí kê biên, xử lý tài sản quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP tương ứng với tỷ lệ số tiền, tài sản mà họ thực nhận.

4. Trường hợp người được thi hành án yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án không đúng thì người đó phải thanh toán các khoản chi phí thực tế do việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án đó.

Điều 6. Chi phí cưỡng chế thi hành án do người thứ ba chịu

1. Người thứ ba chịu các khoản chi phí cưỡng chế thi hành án trong các trường hợp sau đây:

a) Người thứ ba đang quản lý tài sản không tự nguyện giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá mà bị cưỡng chế thi hành án thì phải chịu chi phí cưỡng chế thi hành án trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP;

b) Người thứ ba là tổ chức, cá nhân đang giữ tiền, tài sản của người phải thi hành án phải chịu chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP.

2. Nội dung chi phí mà người thứ ba phải chịu thực hiện theo nội dung chi quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

Điều 7. Các khoản chi phí cưỡng chế thi hành án do ngân sách nhà nước bảo đảm

1. Chi phí quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12.

2. Chi phí quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP.

3. Chi phí định giá lại tài sản quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư này trong trường hợp có vi phạm quy định về định giá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 99 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12.

4. Phí, chi phí bán đấu giá tài sản không thành theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 4/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 17/2010/NĐ-CP).

5. Chi phí khi đang tiến hành tổ chức cưỡng chế nhưng phải ngừng vì các lý do sau đây:

a) Do sự kiện bất khả kháng quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP;

b) Trường hợp thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành án, tạm ngừng thi hành án để giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 49 và Điều 50 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12.

6. Chi phí cưỡng chế do người phải thi hành án có tài sản nhưng giá trị tài sản chỉ đủ để thanh toán chi phí cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 44a Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13.

Điều 8. Mức chi cưỡng chế thi hành án dân sự

1. Chi cho các thành viên tham gia họp bàn cưỡng chế thi hành án, các thành viên họp định giá và định giá lại giá tài sản cưỡng chế thi hành án:

a) Chủ trì: 150.000 đồng/người/ngày;

b) Thành viên: 100.000 đồng/người/ngày.

2. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia cưỡng chế thi hành án

a) Chấp hành viên, công chức khác làm công tác thi hành án, kiểm sát viên, cảnh sát, dân quân tự vệ, đại diện chính quyền địa phương trực tiếp tham gia cưỡng chế thi hành án:

- Chủ trì: 150.000 đồng/người/ngày tham gia cưỡng chế.

- Đối tượng khác: 100.000 đồng/người/ngày tham gia cưỡng chế.

b) Đại diện tổ dân phố, trưởng thôn, già làng, trưởng bản và các đối tượng khác được huy động tham gia cưỡng chế thi hành án dân sự trong trường hợp cần thiết: 100.000 đồng/người/ngày tham gia cưỡng chế.

3. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp thực hiện thông báo cưỡng chế thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án; những người trực tiếp thực hiện quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm tạm giữ, thu giữ tài sản, giấy tờ:

a) Chấp hành viên, công chức khác làm công tác thi hành án, kiểm sát viên, cảnh sát: 70.000 đồng/người/ngày;

b) Dân quân tự vệ, đại diện chính quyền địa phương và các đối tượng khác: 100.000 đồng/người/ngày.

4. Chi công tác phí cho các đối tượng đi xác minh điều kiện cưỡng chế thi hành án: Thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị trong cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Chi thuê phiên dịch trong cưỡng chế thi hành án:

a) Phiên dịch tiếng dân tộc: Tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm thuê. Tùy vào địa bàn cụ

thể, thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự quyết định mức thanh toán tiền công thực hiện các công việc nêu trên cho phù hợp.

(Ví dụ: Mức lương tối thiểu vùng cao nhất do Nhà nước quy định là 3.500.000 đồng/tháng. Định mức tiền công ngày để lập dự toán tiền công thuê ngoài tối đa là: 3.500.000 đồng : 22 ngày = 159.000 đồng).

b) Phiên dịch tiếng nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

6. Các chi phí: Thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ cưỡng chế; chi phí phòng cháy, nổ; thuê địa điểm, phương tiện để tổ chức bán đấu giá; phí thẩm định giá; phí bán đấu giá; thuê trông coi, bảo quản tài sản; chi phí bốc dỡ, vận chuyển tài sản và các khoản chi khác có liên quan đến việc cưỡng chế thi hành án được thực hiện căn cứ theo hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ theo quy định và được thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phê duyệt.

Điều 9. Tạm ứng chi phí cưỡng chế thi hành án

1. Trong khi chưa thu được chi phí cưỡng chế thi hành án của người phải thi hành án, người được thi hành án, người thứ ba chịu chi phí cưỡng chế thi hành án; cơ quan thi hành án dân sự thực hiện ứng trước kinh phí cho các chấp hành viên để tổ chức cưỡng chế thi hành án từ nguồn dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền giao cho cơ quan thi hành án dân sự.

2. Tạm ứng và hoàn tạm ứng chi phí cưỡng chế thi hành án từ ngân sách nhà nước:

a) Tạm ứng chi phí cưỡng chế thi hành án từ ngân sách nhà nước:

Trong khi chưa thu được chi phí cưỡng chế thi hành án của người phải chịu chi phí cưỡng chế thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện tạm ứng chi phí cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và quy định về tạm ứng ngân sách của Luật Ngân sách nhà nước. Trước khi tổ chức cưỡng chế thi hành án, chấp hành viên phải lập và trình Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phê duyệt dự trù chi phí cưỡng chế, trong đó nêu rõ: Biện pháp cưỡng chế cần áp dụng; thời gian, địa điểm cưỡng chế; phương án tiến hành cưỡng chế; lực lượng tham gia (số lượng người, thành phần tham gia); dự toán chi phí phục vụ cho cưỡng chế.

Trên cơ sở dự trù chi phí cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, chấp hành viên làm thủ tục tạm ứng kinh phí cho hoạt động cưỡng chế từ nguồn kinh phí được ngân sách nhà nước giao cho cơ quan thi hành án dân sự, trừ trường hợp đương sự tự nguyện nộp tạm ứng chi phí cưỡng chế.

Hồ sơ, biểu mẫu về tạm ứng chi phí cưỡng chế thi hành án thực hiện theo quy định tại Thông tư số 91/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự.

b) Hoàn tạm ứng chi phí cưỡng chế thi hành án:

Sau khi xử lý tài sản hoặc thu được tiền của đối tượng phải chịu chi phí cưỡng chế thi hành án, chấp hành viên phải làm thủ tục hoàn trả ngay các khoản tiền đã tạm ứng chi cưỡng chế thi hành án trước đó cho cơ quan thi hành án dân sự.

Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các đối tượng phải chịu chi phí cưỡng chế thi hành án để thu hồi kinh phí đã tạm ứng.

c) Hồ sơ và biểu mẫu hoàn tạm ứng chi phí cưỡng chế và thanh toán tiền thi hành án thực hiện theo quy định tại Thông tư số 91/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự.

3. Trường hợp đương sự tự nguyện nộp trước chi phí cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, cơ quan thi hành án dân sự căn cứ kế hoạch cưỡng chế và dự trù chi phí phục vụ cho cưỡng chế để xác định mức kinh phí đề nghị đương sự nộp.

Điều 10. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí cưỡng chế thi hành án

Việc lập dự toán, chấp hành, quyết toán chi phí cưỡng chế thi hành án thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước chỉ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thông tư này quy định cụ thể thêm một số điểm sau:

1. Lập dự toán:

Các cơ quan thi hành án dân sự lập dự toán kinh phí thực hiện cưỡng chế thi hành án gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách hàng năm theo quy định, trong đó tách riêng làm hai phần:

a) Phần kinh phí tạm ứng cưỡng chế thi hành án;

b) Phần kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm các khoản chi phí cưỡng chế thi hành án theo chế độ quy định.

2. Chấp hành dự toán, quyết toán:

a) Phân bổ dự toán: Trên cơ sở kinh phí thực hiện nhiệm vụ cưỡng chế thi hành án đã được bố trí trong dự toán hàng năm và tình hình thực hiện chi phí cưỡng chế thi hành án đến cuối năm trước của các cơ quan thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp phân bổ và giao dự toán kinh phí ngân sách để tạm ứng chi cưỡng chế thi hành án cho các cơ quan thi hành án dân sự vào kinh phí không thực hiện tự chủ;

b) Điều chỉnh dự toán: Trong trường hợp xét thấy cần điều chỉnh dự toán kinh phí tạm ứng cưỡng chế thi hành án của các cơ quan thi hành án dân sự đã được giao, Bộ Tư pháp quyết định điều chỉnh phân bổ dự toán giữa các cơ quan thi hành án dân sự trong phạm vi nguồn kinh phí tạm ứng cưỡng chế thi hành án đã được ngân sách nhà nước giao;

c) Cuối năm, đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, số dư dự toán chưa sử dụng sẽ bị hủy bỏ theo quy định, số dư tạm ứng chi phí cưỡng chế còn lại sẽ thu hồi bằng cách giảm trừ vào dự toán của phần kinh phí tạm ứng cưỡng chế thi hành án đã bố trí trong dự toán hàng năm của cơ quan thi hành án dân sự;

d) Việc quyết toán kinh phí cưỡng chế thi hành án dân sự thực hiện theo quy định hiện hành và tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán của cơ quan thi hành án dân sự.

Riêng đối với kinh phí tạm ứng cưỡng chế thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự tổng hợp báo cáo việc sử dụng kinh phí tạm ứng tổ chức cưỡng chế thi hành án (dự toán được giao, số kinh phí đã tạm ứng, số kinh phí đã thu hồi được; số kinh phí tạm ứng chưa thu hồi, nguyên nhân chưa thu hồi...) với cơ quan quản lý cấp trên. Bộ Tư pháp tổng hợp, gửi Bộ Tài chính cùng với báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm.

Chương III

LẬP, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 11. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự

1. Ngân sách nhà nước.
2. Khoản tiền phí thi hành án đơn vị được sử dụng theo quy định.
3. Khoản tiền đặt trước của người từ chối mua tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP. Sau khi trừ các khoản chi phí hợp pháp được bổ sung vào nguồn kinh phí của đơn vị.
4. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 12. Nội dung chi hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự

1. Các khoản chi thanh toán cho cá nhân: Tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), tiền thưởng, phúc lợi tập thể và các khoản thanh toán khác cho cá nhân theo quy định.
2. Chi thanh toán dịch vụ công cộng, chi vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, chi phí thuê mướn, chi mua sách báo, tài liệu phục vụ công tác.
3. Chi hội nghị, công tác phí trong nước, chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam, chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn.
4. Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn, gồm:

a) Chi trang phục cho các chấp hành viên, thẩm tra viên, công chức khác và những người khác làm công tác thi hành án dân sự;

b) Chi tàu xe đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ nghỉ cho những người không hưởng lương ngân sách nhà nước tham gia công tác xác minh thi hành án và thông báo thi hành án theo yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự;

c) Chi thuê người dẫn đường trong quá trình thực hiện xác minh, thông báo thi hành án. Chi thuê phiên dịch tiếng dân tộc trong trường hợp đương sự là người dân tộc thiểu số của Việt Nam mà không biết tiếng Việt và trường hợp đương sự là người nước ngoài;

d) Chi thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế;

đ) Chi phí thuê phòng chống cháy nổ (nếu có);

e) Chi thuê địa điểm, phương tiện bán tài sản, hàng hóa; thuê công ty bán đấu giá tài sản theo hợp đồng (nếu có);

g) Chi thuê bảo quản vật chứng, tài sản thi hành án dân sự;

h) Chi tiêu hủy vật chứng, tài sản:

- Chi bồi dưỡng cho hội đồng tiêu hủy vật chứng.

- Chi thuê chuyên gia, tổ chức để thực hiện tiêu hủy vật chứng, tài sản đối với trường hợp tiêu hủy các loại hóa chất độc hại hoặc các vật chứng, tài sản khác mà cần thiết phải có các trang thiết bị chuyên dùng để thực hiện việc tiêu hủy đảm bảo an toàn và không làm ảnh hưởng đến môi trường tại nơi tiêu hủy.

- Chi phí vận chuyển vật chứng, tài sản đến nơi tiêu hủy; chi thuê địa điểm tiêu hủy, mua nhiên liệu, các khoản chi khác phục vụ cho việc tiêu hủy.

i) Chi thuê giám định, chi xác minh điều kiện thi hành án dân sự;

k) Chi thông báo về thi hành án dân sự trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi phí gửi bưu điện, bưu phẩm, thông báo trực tiếp;

l) Chi thuê chuyên gia tư vấn đối với vụ án phức tạp. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm xác định các vụ án phức tạp cần thuê chuyên gia tư vấn;

m) Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp thực hiện việc kê biên, tạm giữ khẩn cấp tài sản khi tiến hành kê biên, tạm giữ khẩn cấp tài sản theo yêu cầu của Tòa án; áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án;

n) Chi bồi dưỡng cho các đối tượng tham gia công tác thi hành án dân sự;

o) Chi phí đăng tải công khai thông tin của người phải thi hành án;

p) Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn khác theo quy định;

q) Chi thực hiện công tác tương trợ tư pháp theo quy định của pháp luật.

5. Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn tài sản cố định.

6. Chi phục vụ công tác thu phí thi hành án dân sự từ nguồn phí thi hành án dân sự được để lại thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự theo nguyên tắc không trùng với nguồn ngân sách nhà nước cấp.

7. Các khoản chi phí cưỡng chế thi hành án do ngân sách nhà nước bảo đảm được quy định tại Điều 7 Chương II Thông tư này.

8. Khoản tiền đặt trước mà người trúng đấu giá tài sản từ chối mua sau khi phiên đấu giá kết thúc hoặc đã ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá nhưng chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP được sử dụng để thanh toán các khoản theo thứ tự sau đây:

a) Lãi suất chậm thi hành án của vụ việc liên quan đến bảo đảm tài chính và bồi thường Nhà nước;

b) Ứng chi phí bồi thường Nhà nước theo quy định của Luật Trách nhiệm Bồi thường của Nhà nước;

c) Bảo đảm tài chính để thi hành án;

d) Các chi phí cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Mức chi bảo đảm hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự

1. Các nội dung chi phục vụ cho hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu tài chính được cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Thông tư liên tịch này hướng dẫn một số mức chi đặc thù trong công tác thi hành án dân sự như sau:

a) Chi bồi dưỡng cho các đối tượng khi tham gia vào quá trình xác minh, thông báo thi hành án; áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án; thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, Trọng tài thương mại:

- Chấp hành viên, công chức khác làm công tác thi hành án, kiểm sát viên, cảnh sát: 70.000 đồng/người/ngày;

- Đại diện chính quyền địa phương và các đối tượng khác: 100.000 đồng/người/ngày;

b) Chi bồi dưỡng cho các thành viên tham gia họp Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, họp định giá tài sản (không bao gồm định giá tài sản cưỡng chế thi hành án dân sự):

- Chủ trì: 150.000 đồng/người/ngày;

- Thành viên: 100.000 đồng/người/ngày;

c) Chi cho cán bộ thi hành án trực tiếp tham gia xét miễn, giảm thi hành án; chi cho các thành viên tham gia giao tài sản theo bản án tuyên, giao tài sản sau khi tổ chức bán đấu giá mà người phải thi hành án tự nguyện giao tài sản: 100.000 đồng/người/ngày;

d) Chi đối với hoạt động tiêu hủy vật chứng, tài sản:

- Chi thuê chuyên gia, tổ chức tiêu hủy: Căn cứ hợp đồng ký kết giữa cơ quan thi hành án dân sự với chuyên gia, cơ quan tiêu hủy;

- Chi bồi dưỡng các đối tượng tham gia tiêu hủy vật chứng, tài sản: Chủ trì 150.000 đồng/người/ngày, thành viên 100.000 đồng/người/ngày;

đ) Chi bồi dưỡng thành viên xác định giá, bán đấu giá tài sản: 70.000 đồng/người/ngày;

e) Chi thuê chuyên gia tư vấn đối với trường hợp vụ án phức tạp phải thuê chuyên gia tư vấn bằng văn bản: 500.000 đồng - 700.000 đồng/1 báo cáo;

g) Chi thuê phiên dịch:

- Phiên dịch tiếng dân tộc: Tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm thuê. Tùy vào địa bàn cụ thể, thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự quyết định mức thanh toán tiền công thực hiện các công việc nêu trên cho phù hợp.

(Ví dụ: Mức lương tối thiểu vùng cao nhất do Nhà nước quy định là 3.500.000 đồng/tháng. Định mức tiền công ngày để lập dự toán tiền công thuê ngoài tối đa là: 3.500.000 đồng : 22 ngày = 159.000 đồng).

- Phiên dịch tiếng nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

h) Chi bồi dưỡng cho người trực tiếp thực hiện kê biên, tạm giữ khẩn cấp tài sản theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án hoặc của Trọng tài thương mại; áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, mức chi 70.000 đồng/người/lần;

i) Đối với các khoản chi khác: Thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, chi phí phòng chống cháy nổ, y tế; chi thuê địa điểm, phương tiện để định giá, bán tài sản, hàng hóa khác; chi thuê gửi, giữ, bảo quản vật chứng, tài sản thi hành án; thuê vận chuyển, tiền mua nguyên nhiên vật liệu và các chi phí thực tế hợp lý khác căn cứ theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ theo quy định và được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phê duyệt.

3. Chi phí cưỡng chế thi hành án do ngân sách bảo đảm theo quy định của pháp luật, thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư này.

Điều 14. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự

Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và thực hiện từ năm ngân sách 2017.

2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 184/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 19/12/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về kinh phí tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự; Thông tư liên tịch số 136/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/8/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự và Tổ quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết. *TT*

Nơi nhận: *✓*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HCSN (230 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Huỳnh Quang Hải